

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 227/2022/DSPT

Ngày 05 – 12 – 2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, ông Nguyễn Duy Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do có kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2 đối với Bản án sơ thẩm số 27/2022/DSST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H và ông Mai Xuân T; nơi cư trú: Xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Long N; nơi cư trú: Xã CN, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Duy C - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HK & Gia Luật chi nhánh tại EK. Địa chỉ: Đường G, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; ông Vũ Thanh T1, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã CH, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị T3, Văn phòng luật sư MT, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Đường AK, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Vũ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Long N trình bày:

Năm 2021, ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H có bán nghệ lát khô cho ông Vũ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2, sau khi thanh toán ông T1, bà T2 còn nợ lại ông T, bà H số tiền 1.310.000.000 đồng. Ngày 20/8/2021, hai bên thống nhất chuyển số tiền mua bán nghệ còn nợ, để viết lại thành giấy vay tiền 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất là 1.5%/ tháng và hẹn đến ngày 20/10/2021 trả dứt điểm số tiền nói trên. Bà T2, ông T1 đưa cho bà H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 847824 cấp ngày 14/12/2016 mang tên bà Trần Thị V và 02 giấy ủy quyền lập ngày 17/02/2017, với mục đích cầm để làm tin. Ngày 28/10/2021 Bà T2, ông T1 mới trả cho bà H, ông T 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi suất phát sinh còn lại ông T1, bà T2 không trả. Vì vậy ông T, bà H khởi kiện yêu cầu ông Vũ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh. Tại phiên tòa ông Trịnh Long N yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2 trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay gốc 1.210.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất 1.5%/ tháng kể từ ngày vay 20/8/2022 cho đến khi thanh toán xong. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng tiền vay gốc bị đơn đã trả vào ngày 28/10/2021 và đồng ý trả lại cho bị đơn ông T1, bà T2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 847824 cấp ngày 14/12/2016 mang tên bà Trần Thị V và 02 giấy ủy quyền lập ngày 17/02/2017.

2. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Năm 2021, ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 mua 70 tấn nghệ khô của bà H, ông T, với giá 29.000 đồng/kg, thành tiền là 2.030.000.000 đồng, đã thanh toán một phần và còn nợ lại 1.310.000.000 đồng nên ngày 20/8/2021 hai bên đã thống nhất viết thành giấy vay tiền, có thỏa thuận mức lãi suất là 1.5%/tháng, hẹn đến ngày 20/10/2021 trả số tiền gốc và lãi suất. Ông T1, bà T2 thế chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05883, thửa đất số 1414, tờ bản đồ số 12, mang tên Trần Thị V và 02 giấy ủy quyền, ngày 17/02/2017 nhưng không làm thủ tục thế chấp theo quy định mà chỉ viết giấy tay với nhau. Đến ngày 28/10/2021, ông T1 bà T2 mới trả được cho bà H, ông T 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền còn lại 1.210.000.000 đồng tiền nợ gốc ông T1 bà T2 chưa trả được là do tình hình dịch bệnh covid 19 kéo dài, dẫn đến số nghệ mua của bà H không bán được, không có tiền để trả cho bà H, ông T. Ông T1, bà T2 đồng ý trả 1.210.000.000 đồng cho ông T, bà H và đồng ý nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05883, thửa đất số 1414, tờ bản đồ số 12, cấp cho bà Trần Thị

V và 02 giấy ủy quyền, lập ngày 17/02/2017. Về phần lãi suất ông T1, bà T2 đề nghị nguyên đơn cho bị đơn toàn bộ phần lãi suất phát sinh.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và 01 Quyết định của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện EK dừng việc sang nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ là không đúng, vì bà H, ông T đã nhận thế chấp tài sản đứng tên bà V có giấy ủy quyền kèm theo.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Mai Xuân T.

1. Buộc ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H và ông Mai Xuân T tổng số tiền 1.397.367.671đ. Trong đó tiền vay gốc 1.210.000.000đồng và 187.367.671đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H đối với số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Buộc bà Lê Thị H và ông Mai Xuân T có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 và ông Vũ Thanh T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05883, thửa đất số 1414, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.128,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/12/2016 cấp cho bà Trần Thị V, địa chỉ thửa đất tại xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương và 02 giấy ủy quyền, lập ngày 17/02/2017 giữa bà Trần Thị V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T2, số công chứng 1311, quyển số 02TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng PT, tỉnh Bình Dương.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ – ADBPKCTT, ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Quyết định này có thể bị hủy bỏ khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* **Kháng cáo:** Ngày 12/7/2022, bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm vì cho rằng: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ – ADBPKCTT, ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đối với lô đất mà bị đơn đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và Cao Thị H1 là không đúng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đ, bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ – ADBPKCTT ngày 08/12/2021 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.335m², tại xã CH, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk, trong khi thời điểm ban hành Quyết định số 13 nêu trên thì ông T1, bà T2 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn Đ và Cao Thị H1. Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 13 nêu trên không đúng quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 13 nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà H1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và không đưa ông Đ, bà H1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp

luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 20/8/2021 giữa ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H với ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2; căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án, xác định được:

Trong năm 2021 ông T1, bà T2 có mua nghệ khô của bà H, ông T nhưng ông T1, bà T2 mới thanh toán được một phần còn nợ lại số tiền 1.310.000.000 đồng. Ngày 20/8/2021 ông T1, bà T2 đã thống nhất chuyển số tiền mua bán nghệ còn nợ để viết thành giấy vay tiền là 1.310.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/10/2021 trả dứt điểm số tiền trên cho ông T, bà H. Ngày 28/10/2021, ông T1, bà T2 mới trả cho ông T, bà H số tiền 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn lại số tiền 1.210.000.000 đồng. Đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng Bà T2, ông T1 vẫn không thanh toán số nợ trên cho ông T, bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Thời điểm hai bên xác lập giấy vay tiền phía bị đơn thế chấp cho nguyên đơn 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05883, thửa đất số 1414, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.128,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/12/2016 cấp cho bà Trần Thị V (địa chỉ thửa đất tại xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương) và 02 giấy ủy quyền, lập ngày 17/02/2017 giữa bà Trần Thị V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T2, số công chứng 1311, quyền số 02TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng PT, tỉnh Bình Dương. Việc thế chấp nêu trên không tuân thủ theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn ông T1, bà T2 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.397.367.671 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 1.210.000.000 đồng và 187.367.671 đồng tiền lãi phát sinh). Đồng thời, buộc ông T, bà H có trách nhiệm trả lại cho ông T1, bà T2 các giấy tờ đã thế chấp nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn Đ và bà Cao Thị H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thì thấy:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.210.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của khoản vay. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H với bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Cao Thị H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này. Việc Tòa án nhân dân huyện Ea Kar áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 08/12/2021 là thủ tục tố tụng độc lập

với quan hệ tranh chấp trong vụ án nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo đảm cho việc thi hành án. Đồng thời, người yêu cầu cũng đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo Điều 126, Điều 136 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đối với tài sản là Quyền sử dụng với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 12, diện tích: 2.335m², mục đích sử dụng: Đất ở: 400 m², đất trồng cây lâu năm: 1.935 m²; địa chỉ thửa đất xã Cư Huê, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O345523, số vào sổ cấp GCN: 00866 QSDĐ/NH 04 do Ủy ban nhân dân huyện EK cấp ngày 14/11/1998 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện EK chỉnh lý ngày 23/12/2019 là phù hợp.

Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 là không có căn cứ nên không chấp nhận mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, ông Mai Xuân T.

Buộc ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H và ông Mai Xuân T tổng số tiền 1.397.367.671đồng. Trong đó tiền vay gốc 1.210.000.000đồng và 187.367.671đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông Mai Xuân T, bà Lê Thị H đối với số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

[1.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Buộc bà Lê Thị H và ông Mai Xuân T có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 và ông Vũ Thanh T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05883, thửa đất số 1414, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.128,4m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/12/2016 cấp cho bà Trần Thị V, địa chỉ thửa đất tại xã TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương và 02 giấy ủy quyền, lập ngày 17/02/2017 giữa bà Trần Thị V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T2, số công chứng 1311, quyển số 02TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng PT, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số Quyết định số 13/2021/QĐ – ADBPKCTT, ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Quyết định này có thể bị hủy bỏ khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Vũ Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng mà ông T1, bà T2 đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk theo 02 Biên lai thu số AA/2021/0020092 và AA/2021/0020093 cùng ngày 13/7/2022.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện EK;
- CCTHADS huyện Ea Kar;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung